

Số: 149 /BC-UBND

Krông Năng, ngày 18 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng
nông thôn mới 03 năm (năm 2015 - 2017) của huyện Krông Năng**
(phục vụ công tác Giám sát theo Kế hoạch số 208/KH-HĐND của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Thực hiện Kế hoạch số 208/KH-HĐND, ngày 4/5/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giám sát tình hình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2015 - 2017 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Ủy ban nhân dân huyện Krông Năng báo cáo Tình hình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 03 năm (năm 2015 - 2017) của huyện Krông Năng như sau:

I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi:

- Chương trình xây dựng Nông thôn mới là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm thực hiện Nghị quyết số 26 - NQ/TW của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương 7 (khóa X) và Chương trình 26 - CTTr/TU của Tỉnh ủy (khóa XIV) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân và được sự đồng thuận của nhân dân trong quá trình triển khai, tổ chức, thực hiện.

- Trong những năm qua, với quan điểm nhất quán, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đầu tư phát triển đối với các tỉnh miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn. Cùng với sự quan tâm đó, huyện Krông Năng cũng được UBND tỉnh, Ban chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh, các sở, Ban ngành của tỉnh quan tâm tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, góp phần cho huyện tổ chức có hiệu quả chương trình Nông thôn mới trên địa bàn huyện

- Hệ thống chính trị từ cấp huyện xuống cơ sở đều tập trung tham gia chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới (gọi tắt là *Chương trình*). Huyện ủy, HĐND huyện đã ban hành các Nghị quyết, UBND huyện triển khai xây dựng các chương trình, kế hoạch để hành động thực hiện chương trình.

2. Khó khăn:

- Với đặc điểm, điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của một huyện miền núi, địa bàn rộng, độ dốc tương đối lớn; dân cư sinh sống không tập trung, tỷ lệ hộ nghèo còn cao; xuất phát điểm về xây dựng nông thôn mới thấp. Vì vậy, việc huy động các nguồn lực xã hội, đóng góp của cộng đồng dân cư gặp nhiều khó khăn. Mặc dù, được sự quan tâm đầu tư, hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh nhưng nhu cầu vốn đầu tư, hỗ trợ thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới còn rất lớn.

- Chương trình do cấp xã trực tiếp tổ chức thực hiện thông qua Ban Quản lý các chương trình MTQG (BQL) từ khâu quy hoạch, xây dựng đề án, đến việc tổ chức đầu tư, thi công các cơ sở hạ tầng; đồng thời sự tham gia của người dân là rất quan trọng, tuy nhiên vẫn còn một bộ phận không nhỏ cán bộ và nhân dân ở cơ sở chưa nhận thức hết được tầm quan trọng và ý nghĩa của Chương trình đã gây nhiều khó khăn trong công tác triển khai thực hiện.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

1. Công tác chỉ đạo, triển khai Chương trình:

- Căn cứ vào Quyết định của Thủ tướng Chính Phủ; hướng dẫn của các Bộ, Ngành Trung ương; Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Chương trình, Kế hoạch của UBND tỉnh; Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND huyện Krông Năng, trong giai đoạn 2015 - 2017, Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục triển khai Quyết định số 3138/QĐ-UBND, ngày 19/10/2011 của UBND huyện về việc ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 03-NQ/HU về xây dựng Nông thôn mới đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; trình Hội đồng nhân dân huyện ban hành Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND, ngày 4/8/2016 về việc quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng một số hạ tầng thiết yếu thuộc Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện Krông Năng, giai đoạn 2016 - 2020.

- Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG huyện, Văn phòng điều phối NTM huyện, Ban quản lý các Chương trình MTQG xã và Ban phát triển thôn buôn ở xã được thành lập và kiện toàn đầy đủ theo quy định. Căn cứ vào Hướng dẫn của UBND tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 952/QĐ-UBND, ngày 17/2/2017 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; kiện toàn Văn phòng Điều phối xây dựng Nông thôn mới cấp huyện; Hướng dẫn và chỉ đạo thành lập Ban Quản lý các chương trình MTQG cấp xã, thành lập Ban Phát triển các thôn, buôn ở các xã. Sau khi được kiện toàn, Ban chỉ đạo, Ban Quản lý, Ban Phát triển đã đi vào hoạt động và bước đầu đã phát huy nhiều kết quả tích cực.

2. Công tác tuyên truyền, vận động

- Các tổ chức Đoàn thể của huyện và các cơ quan chuyên môn; Cấp ủy và UBND các xã đã tích cực tổ chức quán triệt về mục đích, nội dung của chương trình, có 100% cấp Ủy đảng, Chính quyền và các tổ chức Đoàn thể cấp xã đã triển khai công tác tuyên truyền về Chương trình Nông thôn mới tới người dân tại các thôn, buôn; tích cực vận động các thành viên, hội viên tham gia thực hiện chương trình, tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân ở các xã tham gia thực hiện Chương trình Nông thôn mới gắn với nâng cao chất lượng các cuộc vận động của các Hội, Đoàn thể như: cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng Nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh”, xây dựng “Cánh đồng lớn” và cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”.

- Công an huyện phối hợp với UBND các xã chỉ đạo Công an xã phối hợp với các tổ chức Đoàn thể xã hội ở xã tổ chức phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ đến từng thôn, buôn, vận động nhân dân nâng cao ý thức cảnh giác phòng

chống tội phạm, đảm bảo an toàn giao thông, góp phần đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại cơ sở.

- Đài truyền thanh và truyền hình huyện; đài phát thanh các xã thường xuyên đưa tin, tuyên truyền về chương trình Nông thôn mới; xây dựng các chuyên đề về xây dựng Nông thôn mới để đưa tin trên đài huyện và tỉnh. Trong đó: có các tin và phóng sự tập trung phản ánh phát huy quy chế dân chủ, phong trào làm đường giao thông Nông thôn, các mô hình phát triển sản xuất, lịch sử hình thành và phát triển huyện Krông Năng ... Ngoài ra đã phối hợp với Sở Thông tin và truyền thông xây dựng các chuyên đề như: công tác phòng chống ma túy, công tác đào tạo lao động và dạy nghề, an toàn vệ sinh thực phẩm...

- UBND huyện tiếp tục chỉ đạo phát động phong trào thi đua “*Đắc Lắc chung sức xây dựng Nông thôn mới*” trong giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện theo kế hoạch phát động phong trào chung cả nước và trên toàn tỉnh; phong trào “*thi đua chào mừng Kỷ niệm 30 năm ngày thành lập huyện Krông Năng (09/11/1987 - 09/11/2017)*”; phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”; Phát động thi đua thực hiện nhiệm vụ phát triển Kinh tế - Xã hội đảm bảo Quốc phòng - An ninh năm 2018;

- Ủy Ban mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện đã tổ chức cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh*”; “*Tháng hành động vì trẻ em*”; “*Tháng hành động vệ sinh an toàn thực phẩm*”; “*Ngày vì người nghèo*”. Thông qua việc tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân về kết quả thẩm định xã đạt chuẩn NTM năm 2017 đối với Xã Phú Lộc và Ea Tóh để kết hợp tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và công khai kết quả thực hiện bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2016- 2020 trong toàn thể cán bộ và nhân dân trên địa bàn huyện.

Kết quả triển khai công tác tuyên truyền, vận động đã góp phần làm thay đổi nhận thức của cán bộ, Đảng viên và đặc biệt là các tầng lớp nhân dân về mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng Nông thôn mới; Qua đó, đã có những việc làm cụ thể, thiết thực như: hiến đất, đóng góp tiền mặt và hiện vật, ngày công lao động để xây dựng các công trình trên địa bàn xã.

3. Tổ chức đào tạo, tập huấn cán bộ thực hiện Chương trình

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 về việc Ban hành Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2017 - 2020; Nội dung tập huấn tập trung vào việc quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà Nước về xây dựng Nông thôn mới, hướng dẫn triển khai thực hiện từng tiêu chí trong bộ tiêu chí Nông thôn mới; Quy trình triển khai thực hiện, quản lý, đầu tư xây dựng các dự án phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân.

Trong 3 năm thực hiện (2015- 2017), huyện đã tổ chức 4 lớp tập huấn về Chương trình xây dựng Nông thôn mới với 200 lượt người tham gia; cử 134 lượt cán bộ, chuyên viên tham gia tập huấn nghiệp vụ về chương trình XD NTM giai

đoạn 2016- 2020 do Văn phòng Điều phối xây dựng Nông thôn mới Trung ương và Tỉnh tổ chức.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới - Tiêu chí số 01 (Quy hoạch)

- 100% số xã đã hoàn thành công tác lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Nông thôn mới. Đồng thời, tổ chức công khai, công bố quy hoạch theo quy định.

- Tiếp tục triển khai công tác rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch sản xuất trong đồ án quy hoạch xã Nông thôn mới gắn với tái cơ cấu Nông nghiệp cấp huyện hàng năm; đảm bảo chất lượng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và tập quán sinh hoạt từng địa phương.

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường nông thôn trong đồ án quy hoạch xã Nông thôn mới đảm bảo hài hòa giữa phát triển nông thôn với phát triển đô thị; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã.

- Đến nay, có 11 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn về Tiêu chí số 01 - Quy Hoạch. Trong đó, 10 xã đạt (*gồm Cư Klông, Đliê Ya, Ea Dăh, Ea Hồ, Ea Tam, Ea Tóh, Phú Lộc, Phú Xuân, Tam Giang, Ea Tân*), 01 xã cơ bản đạt chuẩn (*xã Ea Púk*).

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

1.1. Về Giao thông - Tiêu chí số 02:

Toàn huyện có 479,06km đường trục xã, liên xã; 551km đường trục thôn, buôn; 422,93km đường trục ngõ, xóm; 385,32km đường trục chính nội đồng.

Đầu năm 2015, toàn huyện có 118,93km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa; 83,025km đường trục thôn, buôn; 18,5km đường trục ngõ, xóm được bê tông hóa. Trong 3 năm thực hiện (2015-2017) tiếp tục đầu tư bê tông hóa 72,66km đường trục thôn buôn (*giai đoạn 2011-2014 là 12,635km*); 26,942km đường trục ngõ, xóm (*giai đoạn 2011 - 2014 là 0km*).

Đến nay, toàn huyện có 02 xã cơ đạt chuẩn (*Ea Tóh và Phú Lộc*) về Tiêu chí số 02 - Giao thông (*tổng 02 xã so với năm 2015*).

1.2. Về thủy lợi - Tiêu chí số 03:

a) Về Thủy lợi:

- Tổng số chiều dài kênh mương nội đồng trên đại bàn 11 xã là 149,8 km và 92 công trình hồ đập. Trong giai đoạn 2015 - 2017, đã tiến hành xây dựng 2 CTTL nhỏ của nhân dân quản lý; sửa chữa 6 công trình thủy lợi vừa và nhỏ; Nạo vét 2,1Km kênh mương; các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện đã cơ bản đảm bảo nguồn nước tưới phục vụ cho sản xuất và nhu cầu dân sinh.

b) Về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn:

- Các ngành, các cấp chủ động xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm và phương án ứng phó thiên tai trên địa bàn

huyện; tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ phòng, chống, ứng phó và khắc phục nên đã góp phần làm giảm thiểu về thiệt hại về người và tài sản của nhân dân.

Đến nay, có 11 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn về tiêu chí số 03 - Thủy lợi (tăng 8 xã so với năm 2015). Trong đó, có 9 xã đạt chuẩn (Đliê Ya, Ea Dăh, Ea Púk, Ea Hồ, Ea Tam, Ea Tóh, Phú Lộc, Phú Xuân, Tam Giang), 02 xã cơ bản đạt chuẩn (Cư Klông, Ea Tân).

1.3. Về Điện Nông thôn - Tiêu chí số 4:

Hệ thống lưới điện trên địa bàn huyện thường xuyên được duy tu, bảo dưỡng định kỳ bảo đảm nhu cầu dân sinh, sản xuất Nông nghiệp và an toàn. Trong năm 2016 và năm 2017, đầu tư nâng cấp và xây dựng mới 3 trạm biến áp; 5,85km đường dây trung áp và hạ áp. Đến nay, toàn huyện có 170 trạm biến áp từ 50KVA- 400KVA tăng 3 trạm so với năm 2015; tổng số đường dây trung áp là 254,15km tăng 30,84km; tổng số đường dây hạ áp là 333,23 tăng 0,15km.

Toàn huyện có 10 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn tiêu chí số 4 - Điện (không tăng so với năm 2015). Trong đó, có 9 xã đạt chuẩn (Đliê Ya, Ea Dăh, Ea Púk, Ea Hồ, Ea Tam, Ea Tóh, Phú Lộc, Phú Xuân, Tam Giang), 01 xã cơ bản đạt chuẩn (Ea Tân), 01 xã chưa đạt chuẩn (Cư Klông).

1.4. Về Trường học - Tiêu chí số 5:

Năm 2015, trên địa bàn 11 xã có 53 trường học các cấp (từ Mầm non đến Trung học cơ sở) trong đó có 18 trường học đạt chuẩn về cơ sở vật chất. Đến năm 2017, trên địa bàn 11 xã 55 trường học các cấp (từ Mầm Non đến Trung học Cơ sở), trong đó có 39 trường đạt chuẩn về cơ sở vật chất trường học.

- Năm 2015, nâng cấp sửa chữa 11 phòng học, xây dựng mới 01 nhà vệ sinh, đồ 300m² sân bê tông trường mầm non.

- Năm 2016, Khởi công xây mới và hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng 2 trường Mầm non tại xã Tam Giang và xã Ea Tam; xây dựng mới 01 phòng học, 01 phòng chứa dụng cụ học tập tại xã Ea Púk;

- Trong năm 2017, tiến hành đầu tư nâng cấp 03 phòng học tại trường tiểu học Tam Bình, 02 phòng học tại trường THCS Nguyễn Trãi tại xã Cư Klông; tiến hành xây dựng 02 nhà đa chức năng tại trường Tiểu học Đliê Ya, trường Ama Trang Long tại xã Đliê Ya; sửa chữa nâng cấp trường Mẫu giáo Hoa Cúc Trắng với 01 trường chính và 03 điểm trường tại xã Ea Dăh; nâng cấp trường Mẫu giáo Vàng Anh, trường Tiểu học Tô Hiệu tại xã Ea Púk; tiến hành xây dựng 6 phòng học tại trường Tiểu học Búp Sen xã Ea Tam; xây dựng trường Mầm Non Hoa Mai gồm nhà hiệu bộ và 6 phòng học, trường Tiểu học Võ Thị Sáu gồm phòng Giáo dục thể chất, phòng Giáo dục nghệ thuật và tin học tại xã Phú Xuân; nâng cấp trường Mầm Non Hương Bình tại xã Tam Giang.

Đến nay, có 9 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn về Tiêu chí số 05 - Trường học (tăng 01 xã so với năm 2015). Trong đó, có 6 xã đạt chuẩn (Đliê Ya, Ea Dăh, Ea Tam, Ea Tóh, Phú Lộc, Tam Giang), 03 xã cơ bản đạt chuẩn (Ea Púk, Ea Hồ, Ea Tân), 02 xã chưa đạt chuẩn (Cư Klông, Phú Xuân).

1.5. Về Cơ sở vật chất văn hóa - Tiêu chí số 6:

Từ xuất phát điểm không có xã nào đạt chuẩn về tiêu chí sở vật chất văn hóa. Cùng với sự quan tâm của các cấp, trong giai đoạn 2015 - 2017 huyện đã đầu tư xây dựng 02 nhà văn hóa và sân thể thao xã (tại xã Ea Tóh và Phú Lộc). Đến cuối năm 2017, trên địa bàn huyện có 03 nhà văn hóa xã (bao gồm nhà văn hóa xã Phú Xuân) đang được nâng cấp theo thiết kế mẫu vào năm 2018; Có 156/191 nhà văn hóa thôn buôn trên địa bàn 11 xã.

Đến nay, có 03 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn về Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa (tăng 3 xã so với năm 2015). Trong đó, có 02 xã đạt chuẩn (Ea Tóh, Phú Lộc); có 01 xã cơ bản đạt chuẩn (Phú Xuân); có 8 xã chưa đạt chuẩn (Cư Klông, Đliê Ya, Ea Dăh, Ea Púk, Ea Hồ, Ea Tam, Ea Tân, Tam Giang).

1.6. Về Cơ sở hạ tầng thương mại Nông thôn - Tiêu chí số 7:

Trên địa bàn huyện có 11/11 xã có quy hoạch chợ. Hiện tại, 9/11 xã có chợ tại trung tâm xã. Qua 3 năm triển khai xây dựng và nâng cấp đã có 2 chợ, nâng tổng số chợ đạt chuẩn từ 5 chợ (đầu năm 2015) lên 7/9 chợ đạt chuẩn theo quy định.

Đến nay, có 8 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn về Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng Nông thôn (tăng 2 xã so với năm 2015). Trong đó, có 7 xã đạt chuẩn (Ea Hồ, Ea Tam, Ea Tân, Ea Tóh, Phú Lộc, Phú Xuân, Tam Giang), 01 xã cơ bản đạt chuẩn (Cư Klông), 03 xã chưa đạt chuẩn (Đliê Ya, Ea Dăh, Ea Púk).

1.7. Về Thông tin và Truyền thông - Tiêu chí số 8:

Giai đoạn 2015 - 2017 chứng kiến sự phát triển nhảy vọt về thông tin và truyền thông; tình hình hoạt động mạng lưới Bưu chính Viễn thông ổn định, cơ sở hạ tầng được đầu tư phát triển và mở rộng phạm vi, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu nhân dân, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt phục vụ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp, các ngành, phục vụ an ninh quốc phòng.

Các xã có nhà bưu điện xã, các thôn, buôn có điểm truy cập Internet hoặc có hệ thống lắp đặt Internet đến tận thôn, buôn; có hệ thống và người dân sử dụng mạng WiFi, 3G...;

Đầu năm 2016, UBND huyện đã bắt đầu ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ hành chính công, từng bước xây dựng Chính quyền điện tử thông qua hệ thống OMS. Trong năm 2017, quá trình cải cách được đẩy mạnh, UBND huyện đã chuyển từ sử dụng hệ thống OMS sang hệ thống Idesk với nhiều tính năng vượt trội và dễ sử dụng hơn. Hệ thống trao đổi thông tin được thống nhất từ cấp huyện cho đến cấp cơ sở.

Đến nay, có 11 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn về Tiêu chí số 8 - Thông tin và truyền thông (không tăng so với năm 2015).

1.8. Về nhà ở dân cư - Tiêu chí số 9:

Trong những năm gần đây, đời sống nhân dân ở các địa phương được nâng lên, thu nhập từ sản xuất Nông nghiệp và các dịch vụ khác được nâng cao. Vì vậy, nhà ở dân cư trong huyện cải thiện, nhiều nhà mới được xây dựng, nhà không đảm bảo tiêu

chuẩn được nâng cấp sửa chữa. Từng bước xóa bỏ nhà tạm, nhà dột nát, nhà không đảm bảo chất lượng.

Năm 2017, toàn huyện có 27.017 căn nhà ở Nông thôn. Trong đó, số nhà đạt chuẩn Nông thôn mới là 20.347 căn, chiếm tỷ lệ 75,3% (tăng 38,48% so với năm 2015).

Đến nay, có 8 xã đạt chuẩn về Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư (*tăng 1 xã so với năm 2015*). Các xã đạt chuẩn gồm: xã Cư Klông, Đliê Ya, Ea Púk, Ea Tân, Ea Tóh, Phú Lộc, Phú Xuân, Tam Giang, có 4 xã chưa đạt chuẩn gồm: Ea Dăh, Ea Hồ, Ea Tam..

3. Kinh tế và tổ chức sản xuất (tiêu chí số 10 đến tiêu chí số 13)

3.1. Về Thu Nhập - Tiêu chí số 10:

Với đặc thù là huyện thuần Nông, thu nhập của nhân dân phần lớn là từ Nông nghiệp. Huyện Krông Năng có diện tích đất sản xuất Nông nghiệp là 50.827 ha, công tác chỉ đạo phát triển Nông nghiệp được các cấp quan tâm, chỉ đạo. Vì vậy, trong những năm gần đây thu nhập bình quân của người dân trên địa bàn huyện không ngừng tăng cao; kết quả giá trị sản xuất bình quân trên 1 đơn vị diện tích cây trồng tăng qua từng năm.

Đến nay, có 6 xã đạt chuẩn tiêu chí 10 - Thu nhập (*giảm 01 xã so với năm 2015*). Trong đó, các xã đạt chuẩn gồm: Ea Tam, Ea Tân, Ea Tóh, Phú Lộc, Phú Xuân, Tam Giang, 5 xã chưa đạt gồm: Cư Klông, Đliê Ya, Ea Dăh, Ea Púk, Ea Hồ.

3.2. Giảm nghèo và an sinh xã hội - Tiêu chí số 11:

Đã lồng ghép Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững với triển khai chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới, từng bước giúp người nghèo tiếp cận các chính sách đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách vay vốn; cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho người nghèo và người dân tộc thiểu số thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; thực hiện chính sách miễn giảm tiền học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số: 49/2010/NĐ-CP, hỗ trợ tiền điện theo Quyết định số: 268/QĐ-TTg; trợ cấp khó khăn theo Quyết định số: 471/QĐ-TTg; hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số: 67/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời thực hiện Nghị định 78/2002/NĐ-CP; Quyết định 15/2013/QĐ-TTg, Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg. Qua đó, Ngân hàng chính sách xã hội huyện đã triển khai cho vay ưu đãi hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo để phục vụ sản xuất kinh doanh với tổng dư nợ tính đến cuối năm 2017 là 249.946 triệu đồng.

Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện đến cuối năm 2017 (*Theo chuẩn nghèo mới*) là 3.509 hộ với tỷ lệ 12,96%; Giảm 1,61% so với năm 2015.

Đến nay, có 4 xã đạt chuẩn về Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo (*giảm 02 xã so với năm 2015*). Trong đó, các xã đạt chuẩn gồm: Ea Tân, Ea Tóh, Phú Lộc, Phú Xuân, 7 xã chưa đạt chuẩn gồm: Cư Klông, Đliê Ya, Ea Dăh, Ea Púk, Ea Hồ, Ea Tam, Tam Giang.

3.3. Về lao động có việc làm (tiêu chí số 12)

Đào tạo nghề cho lao động Nông thôn: Tiếp tục triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề Nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng chính phủ. UBND huyện Ban hành Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 9/11/2017 về việc Ban hành kế hoạch đào tạo nghề cho lao động Nông thôn và đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức trên địa bàn huyện Krông Năng năm 2017. Trong năm 2017, đào tạo cho 93 lao động (*Trong đó có, 15 lao động chủ hộ nghèo, 8 lao động chủ hộ cận nghèo*). Công tác giải quyết việc làm được chú trọng, các hoạt động định hướng nghề nghiệp, hỗ trợ trực tiếp cho người lao động được thực hiện thường xuyên.

Đến nay, có 10 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn tiêu chí số 12 - lao động có việc làm (*giảm 01 xã so với năm 2015*). Trong đó, có 9 xã đạt chuẩn (*Đliê Ya, Ea Dăh, Ea Púk, Ea Tam, Ea Tân, Ea Tóh, Phú Lộc, Phú Xuân, Tam Giang*), 01 xã cơ bản đạt (*Cư Klông*), 01 xã chưa đạt (*Ea Hồ*).

3.4. Về hình thức tổ chức sản xuất (tiêu chí số 13)

- Triển khai Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, quán triệt đến các cơ quan, doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác và người dân về quan điểm, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện tái cơ cấu ngành Nông nghiệp nhằm tạo sự chuyển biến, quyết tâm cao để đưa Nông nghiệp lên sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng và giá trị gia tăng cao.

- Năm 2015, toàn huyện có 28 Hợp tác xã, 12 Tổ hợp tác, 105 trang trại. Trong giai đoạn 2015 - 2017, UBND huyện đã tiến hành các chương trình hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; khuyến khích thành lập các tổ chức kinh tế hợp tác; đồng thời tiến hành rà soát hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả. Đến cuối năm 2017, có 31 Hợp tác xã nông nghiệp (*tăng 3 HTX so với năm 2015*), 5 Tổ hợp tác và 106 trang trại đang hoạt động trên địa bàn huyện.

Công tác phát triển ngành nghề Nông thôn, thu hút đầu tư, phát triển sản xuất được UBND huyện quan tâm. Cụ thể, năm 2015 chưa hình thành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; đến năm 2017 đã có 3 chuỗi liên kết được hình thành tại HTX Nông nghiệp Minh Toàn Lợi, HTX Nông nghiệp Mắc ca Tân Định, HTX Nông nghiệp Ea Tân; 01 trang trại chăn nuôi lợn thịt được cấp chứng nhận VietGAP.

Công tác phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đang được tiếp tục triển khai thực hiện. Trong đó, dự kiến đầu tư mô hình sản xuất Bơ theo tiêu chuẩn VietGAP và mô hình sản xuất sầu riêng theo hướng hữu cơ bền vững và tiếp tục hỗ trợ 12 Mô hình sản xuất cà phê bền vững thuộc Dự án VnSat.

Đến nay, có 10 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn về Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất (*giảm 01 xã so với năm 2015*). Trong đó, các 9 xã đạt chuẩn gồm (*Đliê Ya, Ea Púk, Ea Hồ, Ea Tam, Ea Tân, Ea Tóh, Phú Lộc, Phú Xuân, Tam Giang*), 01 xã cơ bản đạt (*Cư Klông*), 01 xã chưa đạt chuẩn (*Ea Dăh*).

4. Văn hóa - Xã hội - Môi trường (từ tiêu chí số 14 đến tiêu chí số 17)

4.1. Phát triển giáo dục ở Nông thôn - Tiêu chí số 14 (Giáo dục):

Qua 3 năm thực hiện, chất lượng ngành giáo dục của huyện không ngừng được nâng cao, các chỉ tiêu về giáo dục đều đạt kế hoạch đề ra, thực trạng học sinh bỏ học từng bước được hạn chế, chất lượng giáo dục ngày càng nâng lên rõ rệt; Đến năm 2017, có 21 trường từ bậc Mầm Non đến THCS đạt chuẩn Quốc gia Mức độ I (*Mầm non: 3 trường; Tiểu học: 14 trường; THCS: 4 trường*).

Hoạt động giáo dục thường xuyên có sự đổi mới hơn, góp phần thực hiện tốt việc phân luồng học sinh; công tác dạy nghề ngày càng được quan tâm.

Đến nay, có 11 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn về Tiêu chí số 14 - Giáo dục (*không tăng so với năm 2015*). Trong đó, 10 xã đạt chuẩn (*Cư Klông, Đliê Ya, Ea Púk, Ea Hồ, Ea Tam, Ea Tân, Ea Tóh, Phú Lộc, Phú Xuân, Tam Giang*), 01 xã cơ bản đạt (*Ea Dăh*).

4.2. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân Nông thôn - Tiêu chí số 15:

- Công tác y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng. Công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm; công tác truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; Dân số kế hoạch hóa gia đình được quan tâm đúng mức.

- *Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế*: Cuối năm 2017 toàn huyện đạt 81,2%, tăng 0,1% so với cuối năm 2016 và tăng 7,2% so với năm 2015.

Đến nay, có 11 xã đạt chuẩn về Tiêu chí số 15 - Y tế (*không tăng so với năm 2015*).

4.3. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân Nông thôn - Tiêu chí số 16 (Văn hóa)

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở.

- Đến cuối năm 2017, có 03 xã (*xã Ea Tóh, Phú Lộc, Phú Xuân*) được công nhận xã đạt chuẩn văn hoá Nông thôn mới.

- Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh” và chương trình “xã đạt chuẩn văn hóa Nông thôn mới” đã động viên khơi dậy các tầng lớp nhân dân tinh thần đoàn kết, giúp nhau phát triển kinh tế, chung sức xây dựng xã đạt chuẩn văn hóa Nông thôn mới.

- Hàng năm, UBND huyện tiếp tục chỉ đạo UBND xã Ea Tam tổ chức lễ hội văn hoá dân gian theo bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc miền núi phía Bắc.

Đến nay, có 8 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn về Tiêu chí số 16 - Văn hóa (*tăng 02 xã so với năm 2015*). Trong đó, 6 xã đạt chuẩn (*Ea Tam, Ea Tân, Ea Tóh, Phú Lộc, Phú Xuân, Tam Giang*), 02 xã cơ bản đạt chuẩn (*Đliê Ya, Ea Púk*), 03 xã chưa đạt chuẩn (*Cư Klông, Ea Dăh, Ea Hồ*).

4.4. Vệ sinh môi trường Nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề - Tiêu chí số 17 (Môi trường).

Tiếp tục vận động, tuyên truyền nhân dân tăng cường thực hiện công tác đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn.

Thông qua các phong trào của tổ chức đoàn thể huyện, xã đã vận động nhân dân chỉnh trang và vệ sinh nhà cửa, sân vườn; thực hiện các quy trình sản xuất VietGAP, sản xuất theo Chứng nhận Utz, 4C, Flo,... trong chế biến các sản phẩm Nông lâm nghiệp nhằm góp phần bảo đảm Vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất và tiêu dùng, giữ gìn sức khỏe cho cộng đồng dân cư nông thôn.

Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp với Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh kiểm tra chất lượng vật tư phân hữu cơ vi sinh trên địa bàn toàn huyện. Trạm thú y Huyện thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm các cơ sở (kinh doanh giết mổ tập trung, kinh doanh thuốc thú y, trạm trại chăn nuôi...). Đến năm 2017:

- Tỷ lệ người dân sử dụng nước hợp vệ sinh cuối năm 2017 trên địa bàn Nông thôn của huyện Krông Năng là 96,65% (106.437/110.121 người). Trong đó:

- + Tỷ lệ người nghèo sử dụng nước hợp vệ sinh là 89,92% (12.881/14.325 người).

- + Tỷ lệ người đồng bào sử dụng nước hợp vệ sinh là 95,25% (36.208/38.015 người).

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu là 91,93% (23.314/25.360 hộ). Trong đó: Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh là 68,41% (17.350/25.360 hộ).

- Tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi gia súc hợp vệ sinh là 67,1% (3.557/5.301 hộ).

Đến nay, có 7 xã đạt chuẩn về Tiêu chí số 17 - Môi trường (tăng 01 xã so với năm 2015). Trong đó, 6 xã đạt chuẩn (Ea Púk, Ea Tóh, Phú Lộc, Phú Xuân, Tam Giang); có 02 xã cơ bản đạt chuẩn (Đliê Ya, Ea Tam); có 4 xã chưa đạt chuẩn (Cư Klông, Ea Dăh, Ea Hồ, Ea Tân).

5. Hệ thống chính trị và quốc phòng an ninh (tiêu chí số 18 và tiêu chí số 19)

5.1. Hệ thống tổ chức chính trị và tiếp cận pháp luật - Tiêu chí số 18:

Đã từng bước kiện toàn các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở; quy hoạch, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ xã. Xây dựng Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”; luân phiên đào tạo cán bộ chuyên trách, công chức chuyên môn cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và cải cách hành chính, tiếp công dân ...

Đến nay, có 11 xã đạt và cơ bản chuẩn về Tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (không tăng so với năm 2015). Trong đó, có 9 xã đạt chuẩn (Cư Klông, Ea Dăh, Ea Púk, Ea Hồ, Ea Tam, Ea Tóh, Phú Xuân, Tam Giang), 02 xã cơ bản đạt chuẩn (Đliê Ya, Ea Tân).

5.2. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội Nông thôn - Tiêu chí 19 (Quốc phòng an ninh)

Đã tập trung triển khai có hiệu quả chương trình MTQG phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đồng thời thường xuyên phát động phong trào quần chúng bảo vệ ANTQ nên tình hình an ninh chính trị cơ bản ổn định trật tự ATXH được đảm bảo. Tuy nhiên vẫn còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp như: Tranh chấp tài sản, khiếu kiện đông người.

Hàng năm, triển khai diễn tập phòng thủ cho các xã và thực hiện kế hoạch tuyển quân đảm bảo chỉ tiêu của tỉnh giao; đồng thời tổ chức tốt công tác huấn luyện dân quân tự vệ và tăng cường công tác tuyên truyền phong trào bảo vệ ANTQ, chú trọng nhiệm vụ phòng ngừa phát hiện, tố giác tội phạm; tình hình ANTT và Quốc phòng luôn được giữ vững.

Đến nay, có 10 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn về Tiêu chí số 18 - Quốc phòng và An ninh (*giảm 01 xã so với năm 2015*). Trong đó, 9 xã đạt chuẩn (*Cư Klông, Ea Dăh, Ea Púk, Ea Hồ, Ea Tam, Ea Tóh, Phú Lộc, Phú Xuân, Tam Giang*), 01 xã cơ bản đạt chuẩn (*Ea Tân*), 01 xã chưa đạt (*Điê Ya*).

6. Thực hiện kế hoạch vốn Chương trình xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2015 - 2017

a) Tổng các nguồn vốn đầu tư trực tiếp thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2017

Tổng nguồn vốn đầu tư trực tiếp thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới là 31.342 triệu đồng. Trong đó, năm 2016 là 14.599 triệu đồng; năm 2017 là 16.743 triệu đồng

b) Tổng hợp toàn bộ nguồn lực thực hiện chương trình:

- Vốn trực tiếp thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới là 31.342 triệu đồng, đạt tỷ lệ 11,4%;

- Vốn lồng ghép từ chương trình, dự án khác: 9.498 triệu đồng, đạt tỷ lệ 3,45%; Trong đó, năm 2016: 4.254 triệu đồng; năm 2017: 5.244 triệu đồng;

- Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư: 85.763 triệu đồng, đạt tỷ lệ 31,18%. Trong đó, năm 2016: 65.083 triệu đồng; năm 2017: 20.763 triệu đồng;

- Vốn tín dụng: 148.451 triệu đồng, đạt tỷ lệ 53,97%. Trong đó, năm 2016: 80.000 triệu đồng; năm 2017: 68.451 triệu đồng.

(chi tiết kèm theo Phụ lục 01)

c) Kết quả thực hiện cơ chế đặc thù: nhân dân chủ động đóng góp tiền mặt, ngày công lao động để thực hiện công trình. Quá trình xây dựng, thẩm định được đảm bảo theo cơ chế “Dân biết, dân bàn, dân làm và dân kiểm tra”.

d) Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản (*chủ yếu là công trình chuyển tiếp bố trí vốn 2 năm*): 03 hạng mục công trình đang còn nợ và đã được UBND tỉnh bố trí quyết toán vào năm 2018 gồm:

+ Công trình Nhà văn hóa xã Phú Lộc với tổng mức đầu tư là 4.327 triệu đồng (NST: 2.164 triệu đồng, NSH-X: 2.163 triệu đồng) đang nợ 1.108 triệu đồng (NST: 554 triệu đồng; NSH-X: 554 triệu đồng);

+ Công trình Nhà văn hóa xã Ea Tóh với tổng mức đầu tư là 4.323 triệu đồng (NST: 2.162 triệu đồng, NSH-X: 2.161 triệu đồng) đang nợ 1.124 triệu đồng (NST: 562 triệu đồng; NSH-X: 562 triệu đồng);

+ Công trình Sân thể thao xã Ea Tóh với tổng mức đầu tư 600 triệu đồng (NST: 300 triệu đồng; NSH-X: 300 triệu đồng) đang nợ 60 triệu đồng (NST: 30 triệu đồng; NSH-X: 30 triệu đồng)

7. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM

a) Kết quả chung:

Đến cuối năm 2017 toàn huyện thực hiện đạt 161 tiêu chí, tăng 57 tiêu chí so với năm 2015; bình quân mỗi xã đạt 14,64 tiêu chí/xã, không còn xã đạt dưới 10 tiêu chí.

Năm 2017, đã có 02 xã đạt chuẩn Nông thôn mới (xã Ea Tóh, xã Phú Lộc). Được UBND tỉnh công nhận tại Quyết định số 402/QĐ-UBND, ngày 13/2/2018 về việc công nhận xã Ea Tóh, huyện Krông Năng đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2017 và Quyết định số 403/QĐ-UBND, ngày 13/2/2018 về việc công nhận xã Phú Lộc, huyện Krông Năng đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2017. Đây là 2 xã đầu tiên của huyện hoàn thành bộ tiêu chí Quốc gia xây dựng Nông thôn mới thể hiện sự nỗ lực của các cấp Đảng ủy, HĐND và UBND các xã, sự tích cực tham gia về công sức và vật chất của nhân dân ở các xã, tạo động lực để triển khai chương trình xây dựng Nông thôn mới trong những năm tiếp theo.

b) Số xã đạt theo nhóm tiêu chí tính đến năm 2017:

- Đạt và cơ bản đạt chuẩn 19 tiêu chí: 2 xã (Phú Lộc và Ea Tóh);
- Đạt và cơ bản đạt chuẩn 17 tiêu chí: 1 xã (Phú Xuân);
- Đạt và cơ bản đạt chuẩn 16 tiêu chí: 2 xã (Ea Tân và Tam Giang);
- Đạt và cơ bản đạt chuẩn 15 tiêu chí: 1 xã (Ea Tam);
- Đạt và cơ bản đạt chuẩn 14 tiêu chí: 1 xã (Ea Púk);
- Đạt và cơ bản đạt chuẩn 13 tiêu chí: 1 xã (Đliê Ya);
- Đạt và cơ bản đạt chuẩn 11 tiêu chí: 2 xã (Cư Klông và Ea Hồ);
- Đạt và cơ bản đạt chuẩn 10 tiêu chí: 1 xã (Ea Dăh).

(chi tiết tại phụ lục 02)

8. Những hạn chế chủ yếu và nguyên nhân

a) Hạn chế:

- Công tác tuyên truyền về xây dựng Nông thôn mới còn chưa được quan tâm đúng mức, chưa tương xứng với tầm quan trọng của Chương trình; một bộ phận không nhỏ người dân và cán bộ cấp xã, thôn, buôn chưa nắm bắt đầy đủ nội

dung của Chương trình nên chưa chủ động trong quá trình chỉ đạo, huy động nguồn lực và triển khai thực hiện.

- Hoạt động của một số Ban Quản lý các Chương trình MTQG xã và Ban Phát triển thôn, buôn thiếu quyết liệt trong công tác triển khai thực hiện chương trình.

- Việc đánh giá thực trạng và xác định mức độ, kết quả thực hiện bộ tiêu chí xây dựng Nông thôn mới tại cơ sở chưa đầy đủ cụ thể gây khó khăn trong việc đề ra các giải pháp khắc phục và biện pháp cụ thể để triển khai chương trình trong những năm tiếp theo; việc trông chờ, ỷ lại vào các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước vẫn còn dẫn đến thụ động trong tổ chức triển khai; sự chủ động tích cực tham gia của một bộ phận không nhỏ người dân còn chưa cao.

- Công tác quản lý, duy tu và bảo dưỡng các công trình hạ tầng sau khi đầu tư xây dựng chưa được quan tâm đúng mức, đặc biệt là các công trình hệ thống thoát nước đường giao thông, công trình thủy lợi, công trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Ý thức bảo vệ môi trường, an ninh trật tự xã hội tại thực hiện tiêu chí số 17, 18, 19 của một số cơ sở còn thấp chưa đảm bảo nâng cao và bền vững; lĩnh vực văn hóa - xã hội tuy được quan tâm phát triển nhưng chưa góp phần tích cực trong phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Tiến độ triển khai kế hoạch xây dựng Nông thôn mới ở một số cơ sở vẫn còn chậm so với Kế hoạch đề ra; nhất là ở các xã dự kiến về đích Nông thôn mới trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Việc phát triển sản xuất trong thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới chưa rõ nét, quy mô thực hiện nhỏ lẻ, tính lan tỏa chưa cao. Các mô hình hợp tác, liên kết trong sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, nhất là mối liên kết giữa “4 nhà” và xây dựng các liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm Nông lâm nghiệp; Công tác ứng dụng Khoa học công nghệ của nông dân vào sản xuất còn hạn chế; tình trạng phát triển cây trồng, sản phẩm nông nghiệp theo tính phong trào không theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng.

- Nguồn vốn đầu tư trực tiếp thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới hạn hẹp, chưa tương xứng với quy mô về nhu cầu nguồn lực cần phải đầu tư để hoàn thiện bộ tiêu chí.

b) Nguyên nhân:

- Với đặc thù diện tích rộng, dân cư phân bố không tập trung nên yêu cầu về đầu tư cơ sở hạ tầng lớn, nhu cầu huy động nguồn lực trong người dân rất lớn.

- Xuất phát điểm theo đánh giá Bộ tiêu chí xây dựng Nông thôn mới của huyện thấp.

- Tình hình giá cả không ổn định thường xuyên biến động và xuống thấp, giá cả vật tư, vật liệu xây dựng, nhiên liệu biến động tăng cao dẫn đến thu nhập của người dân khu vực nông thôn ngày càng giảm nên công tác huy động nguồn lực còn hạn chế.

- Giá cả vật tư, vật liệu xây dựng, nhiên liệu biến động tăng cao;
- Công tác tuyên truyền chưa tổ chức đa dạng, phong phú và rộng khắp từ huyện đến cơ sở thôn, buôn, nội dung tuyên truyền chưa sâu sát thực tế, chưa thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân. Hình thức cổ động trực quan chưa nhiều và chưa được thường xuyên quan tâm bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời.
- Hướng dẫn triển khai các văn bản của TW và các Bộ ngành về nội dung, mục tiêu và cơ chế chính sách liên quan chương trình xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 chưa đồng bộ và còn chậm đã tác động đến kết quả thực hiện chương trình.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2020

I. MỤC TIÊU

- Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân
- Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển sản xuất.
- Phân đấu đến cuối năm 2020, có 6 xã đạt 19 tiêu chí và được UBND tỉnh công nhận “Xã đạt chuẩn Nông thôn mới” gồm: xã Ea Tóh, Phú Lộc, Phú Xuân, Tam Giang, Ea Tân và Ea Tam.

II. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP ĐỂ ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ, NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

1. Đối với Ban chỉ đạo Trung ương và các Bộ, Ngành:

- Có cơ chế chính sách đầu tư xây dựng Nông thôn mới ở các tỉnh miền núi, vùng khó khăn có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống; xem xét bố trí vốn cho cả giai đoạn để địa phương cân đối, chủ động trong việc triển khai thực hiện các tiêu chí;
- Chỉ đạo các Bộ, Ngành chức năng sớm ban hành các văn bản về Hỗ trợ phát triển sản xuất, định hướng rõ ràng sản phẩm chủ lực của từng vùng miền, tạo các đầu mối tiêu thụ nông sản, tiềm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm tạo đầu ra ổn định, bền vững.

2. Đối với Ban chỉ đạo Tỉnh và các Sở, Ngành

- Tiếp tục chỉ đạo các Sở, Ngành, các cấp tăng cường công tác Hướng dẫn và kiểm tra để giúp cho cơ sở tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc và đề ra các giải pháp thiết thực thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới trong những năm tiếp theo.
- Tăng cường, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý chương trình không những trên phương diện lý thuyết mà kết hợp cả rèn luyện kỹ năng và kinh nghiệm trong thực tế.
- Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Hội, Đoàn thể ở các cấp trong công tác tuyên truyền và thực hiện Chương trình; tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành để tạo sức mạnh của các hệ thống chính trị cùng tham gia thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới.

- Cụ thể hóa các quy định về tài chính của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia thay cho Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2015 - 2017 của huyện Krông Năng phục vụ cho công tác Giám sát của HĐND tỉnh tại Kế hoạch số 208/KH-HĐND, ngày 4/5/2018. *lv*

Nơi nhận: *lv*

- HĐND&UBND tỉnh;
- Văn phòng ĐPNTM tỉnh;
- CT, các PCT HĐND&UBND huyện;
- Các thành viên BCĐ NTM huyện;
- Lãnh đạo VP HĐND&UBND huyện;
- Đảng ủy; HĐND&UBND các xã;
- BQL các CTMTQG cấp xã
- Lưu: VT, VP ĐPXD NTM.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Châu Văn Lượm



Phụ lục 01

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH(Kèm theo Báo cáo số 49/BC-UBND ngày 18 / 6/2018 của UBND huyện Krông Năng)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung chỉ tiêu	Lũy kế đến năm 31/12/2015	Giai đoạn 2016 - 2020			Lũy kế đến thời điểm 31/12/2017
			Tổng số	Kết quả thực hiện năm 2016	Kết quả thực hiện năm 2017	
A	VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP	10,986	31,342	14,599	16,743	42,328
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	7,410	19,382	8,783	10,599	26,792
1	Đầu tư Phát triển	6,900	17,559	8,403	9,156	24,459
-	Trái phiếu chính phủ	6,400	4,323	4,323		10,723
2	Sự nghiệp	510	1,823	380	1,443	2,333
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3,576	11,960	5,816	6,144	15,536
1	Tỉnh		5,761	2,430	3,331	5,761
2	Huyện	3,208	5,080	2,480	2,600	8,288
3	Xã	368	1,119	906	213	1,487
B	CÁC NGUỒN VỐN KHÁC					
III	VỐN LÒNG GHEP	142,756	9,498	4,254	5,244	152,254
IV	VỐN TÍN DỤNG (*)	1,067,232	148,451	80,000	68,451	1,215,683
V	HUY ĐỘNG	204,382	88,846	68,083	20,763	293,228
1	Huy động từ doanh nghiệp, HTX và các tổ chức kinh tế khác	27,880	3,000	3,000		30,880
2	Huy động cộng đồng dân cư	171,315	74,816	54,053	20,763	246,131
-	Bằng tiền	158,565	0			158,565
-	Tài sản quy đổi thành tiền	1,705	0			1,705
-	Ngàv công	2,145	0			2,145
-	Hiện đay	8,900	0			8,900
3	Huy động khác	5187	11,030	11030		16,217

(*): **Vốn tín dụng:** do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cung cấp theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ph

Phụ lục 02

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH NĂM 2017

(kèm theo Báo cáo số 49/BC-UBND ngày 18/6/2018 của UBND huyện Krông Năng)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện đến 31/12/2015	Giai đoạn 2016 - 2020		so sánh 2017 - 2015
				Thực hiện đến 31/12/2016	Thực hiện đến 31/12/2017	
1	Bình quân tiêu chí đạt/xã	<i>tiêu chí/xã</i>	12.64	13.73	14.64	2
2	Tổng số tiêu chí NTM đạt	<i>xã</i>	139	151	161	22
-	Xã Cư Klông	<i>tiêu chí</i>	8	10	11	3
-	Xã Đliê Ya	<i>tiêu chí</i>	11	13	13	2
-	Xã Ea Đăh	<i>tiêu chí</i>	9	9	10	1
-	Xã Ea Púk	<i>tiêu chí</i>	12	13	14	2
-	Xã Ea Hồ	<i>tiêu chí</i>	11	11	11	0
-	Xã Ea Tam	<i>tiêu chí</i>	12	15	15	3
-	Xã Ea Tân	<i>tiêu chí</i>	13	14	16	3
-	Xã Ea Tóh	<i>tiêu chí</i>	17	17	19	2
-	Xã Phú Lộc	<i>tiêu chí</i>	15	16	19	4
-	Xã Phú Xuân	<i>tiêu chí</i>	16	17	17	1
-	Xã Tam Giang	<i>tiêu chí</i>	15	16	16	1
3	Tổng số xã tham gia CT NTM	<i>xã</i>	11	11	11	
-	Số xã đạt 19 tiêu chí	<i>xã</i>	0	0	2	2
-	Số xã đạt 18 tiêu chí	<i>xã</i>	0	0	0	0
-	Số xã đạt 17 tiêu chí	<i>xã</i>	1	2	1	0
-	Số xã đạt 16 tiêu chí	<i>xã</i>	1	2	2	1
-	Số xã đạt 15 tiêu chí	<i>xã</i>	2	1	1	-1
-	Số xã đạt 14 tiêu chí	<i>xã</i>	0	1	1	1
-	Số xã đạt 13 tiêu chí	<i>xã</i>	1	2	1	0
-	Số xã đạt 12 tiêu chí	<i>xã</i>	2	0	0	-2
-	Số xã đạt 11 tiêu chí	<i>xã</i>	2	1	2	0
-	Số xã đạt 10 tiêu chí	<i>xã</i>	0	1	1	1
-	Số xã đạt 9 tiêu chí	<i>xã</i>	1	1	0	-1
-	Số xã đạt 8 tiêu chí	<i>xã</i>	1	0	0	-1
-	Số xã đạt 7 tiêu chí	<i>xã</i>	0	0	0	0
4	Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Nông thôn mới					
-	Số xã đạt tiêu chí số 1	<i>xã</i>	11	11	11	0
-	Số xã đạt tiêu chí số 2	<i>xã</i>	0	0	2	2
-	Số xã đạt tiêu chí số 3	<i>xã</i>	3	9	11	8
-	Số xã đạt tiêu chí số 4	<i>xã</i>	10	10	10	0
-	Số xã đạt tiêu chí số 5	<i>xã</i>	8	8	9	1
-	Số xã đạt tiêu chí số 6	<i>xã</i>	0	1	3	3
-	Số xã đạt tiêu chí số 7	<i>xã</i>	6	7	8	2
-	Số xã đạt tiêu chí số 8	<i>xã</i>	11	11	11	0
-	Số xã đạt tiêu chí số 9	<i>xã</i>	7	9	8	1
-	Số xã đạt tiêu chí số 10	<i>xã</i>	7	7	6	-1
-	Số xã đạt tiêu chí số 11	<i>xã</i>	6	3	4	-2
-	Số xã đạt tiêu chí số 12	<i>xã</i>	11	11	10	-1
-	Số xã đạt tiêu chí số 13	<i>xã</i>	11	11	10	-1
-	Số xã đạt tiêu chí số 14	<i>xã</i>	11	11	11	0

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện đến 31/12/2015	Giai đoạn 2016 - 2020		so sánh 2017 - 2015
				Thực hiện đến 31/12/2016	Thực hiện đến 31/12/2017	
-	Số xã đạt tiêu chí số 15	xã	11	11	11	0
-	Số xã đạt tiêu chí số 16	xã	4	5	8	4
-	Số xã đạt tiêu chí số 17	xã	1	5	7	6
-	Số xã đạt tiêu chí số 18	xã	11	10	11	0
-	Số xã đạt tiêu chí số 19	xã	10	11	10	0

Ph

...